

Bản án số: 602/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 23/5/2025

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Cam Ranh, Khánh Hòa

Bị đơn: Ông Võ Tuấn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm T và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Võ Tuấn N yêu thương, chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, do Ủy ban nhân dân phường

17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2016. Cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do nghi ngờ, ghen tuông làm mất lòng tin lẫn nhau. Từ đó thường xuyên cãi vã, bất đồng ý kiến, dẫn đến phải sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Bà T yêu cầu tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Võ Tuấn N để ổn định cuộc sống của mình.

Cả hai chung sống có ba con chung tên Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 07/11/2015; Võ Thái Hoàng A, sinh ngày 13/11/2018; Võ Ngọc Kim N, sinh ngày 03/5/2021. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà T đề nghị không tiến hành phiên hòa giải.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Võ Tuấn N trình bày:

Ông Võ Tuấn N thừa nhận tình trạng hôn nhân như Bà T trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không ai nhường nhịn ai nên tình cảm hiện nay không còn. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đề nghị ly hôn ông N đồng ý. Về con chung, ông N đồng ý giao ba con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không đề nghị cấp dưỡng nuôi con, ông Tú đồng ý. Hiện nay không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà T và ông N đều đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2016. Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về mâu thuẫn vợ chồng: Các đương sự xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là do không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng ý kiến, lòng tin đối với nhau không còn, sống không hạnh phúc nên cả hai sống ly thân từ năm 2022 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn đồng ý. Do nguyên đơn đề nghị không hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Việc các đương sự xác định tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên thống nhất ly hôn thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân gia đình không còn nữa. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Cả hai chung sống có ba con chung tên Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 07/11/2015; Võ Thái Hoàng A, sinh ngày 13/11/2018; Võ Ngọc Kim N, sinh ngày 03/5/2021. Nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án ghi nhận được trẻ Gia H và trẻ Hoàng A có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ. Việc nguyên đơn đề nghị được nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với nguyện vọng của con. Nguyên đơn là người nuôi dưỡng các con trong những năm qua thể hiện đủ điều kiện hơn về chỗ ở, về thu nhập, đảm bảo được cuộc sống ổn định cho các con. Bị đơn cũng đồng ý giao ba con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, vì quyền lợi của trẻ em nên việc giao các con cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy để bảo vệ quyền lợi của trẻ em nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn cho đến khi nguyên đơn có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận tài sản chung không có, nợ chung không có.

2.4 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Võ Tuấn N. Giấy chứng nhận kết hôn số 61, do Ủy ban nhân dân phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2016 không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Cẩm T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ba con chung tên Võ Ngọc Gia H, sinh ngày 07/11/2015; Võ Thái Hoàng A, sinh ngày 13/11/2018; Võ Ngọc Kim N, sinh ngày 03/5/2021 cho đến khi trưởng thành.

Ông Võ Tuấn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Tuấn N cho đến khi bà Nguyễn Thị Cẩm T có yêu cầu. Các đương sự tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 000057780 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Nơi cấp GCNKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị